

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN TRƯỜNG
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 171/2019/HNGĐ-ST

Ngày 17 - 9 - 2019

V/v ly hôn giữa chị H và anh H

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Thung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Kim An;

Ông Nguyễn Minh Đức.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Cúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa: Bà Không Thị Tươi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 112/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2019/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Ngô Thị H, sinh năm 1997; địa chỉ: Xóm 4, xã T, huyện X, tỉnh Nam Định; “có mặt”

2. *Bị đơn:* Anh Mai Văn H, sinh năm 1988; địa chỉ: Xóm 4, xã T, huyện X, tỉnh Nam Định; “vắng mặt”

3. *Người làm chứng:* Chị Mai Thị T, sinh năm 1984 ; địa chỉ : Xóm 4, xã T, huyện X, tỉnh Nam Định; “vắng mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/5/2019 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn

chị Ngô Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Mai Văn H tự nguyện tìm hiểu, kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã T, huyện X, tỉnh Nam Định cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 02/3/2018. Chị H và anh H đều là người công giáo, cả hai mới chỉ đăng ký kết hôn, chưa làm lễ cưới ở nhà thờ, chưa tổ chức cưới theo phong tục. Trong thời gian chờ tổ chức lễ cưới giữa chị và anh H phát sinh mâu thuẫn không thể giải quyết. Nay chị H xác định chị và anh H không thể sống chung, chị xin ly hôn anh H để chị sớm ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Chị và anh H không có con chung.

Về tài sản, nghĩa vụ về tài sản: Chị và anh H không có tài sản chung, không nợ nần liên quan kinh tế với ai nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, bị đơn anh Mai Văn H vắng mặt và không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.

Kết quả làm việc với chị Mai Thị T là chị gái của anh Mai Văn H thể hiện: Chị H, anh H tự nguyện tìm hiểu, hai bên đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T nhưng chưa làm lễ cưới ở nhà thờ, chưa tổ chức lễ cưới theo phong tục. Trong thời gian chờ tổ chức cưới hai bên xảy ra mâu thuẫn, chị H làm đơn ly hôn. Anh H hoàn toàn nhất trí ly hôn chị H nhưng vì anh H là người công giáo và không muốn gặp chị H nên anh H đã không đến Tòa án làm việc. Chị H và anh H không có con chung, không có tài sản chung, không nợ nần ai. Đơn ly hôn và tài liệu chứng cứ của chị H cũng như các văn bản tố tụng của Tòa án gửi anh H, chị T đều đã nhận được và chị đã chuyển tận tay ngay cho anh H.

Qua xác minh thu thập chứng cứ tại địa phương xã T xác định được: Đương sự trình bày về việc tìm hiểu, đã được Ủy ban nhân dân xã cấp giấy chứng nhận kết hôn là đúng. Trong thời gian chờ tổ chức lễ cưới giữa chị H và anh H phát sinh mâu thuẫn do chị H tham gia giới trẻ của nhà xứ, phải đi buổi tối, anh H không tin tưởng, nghi ngờ chị H nên chị H chán nản và làm đơn ly hôn anh H. Quan điểm của địa phương chị H và anh H không thể chung sống cùng nhau, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn giữa chị H và anh H. Chị H và anh H không có con chung, không có tài sản chung, không nợ nần gì xóm đội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán trong giai đoạn chuẩn bị

xét xử và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tại phiên tòa đều đảm bảo tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt anh H là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Ngô Thị H chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn anh Mai Văn H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt anh H theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị H và anh Mai Văn H mặc dù chưa tổ chức lễ cưới, chưa về sống chung nhưng đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 02/3/2018 nên có quan hệ hôn nhân hợp pháp. Nay chị H xin ly hôn, mặc dù Tòa án đã nhiều lần tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh H không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo, không đến Tòa án làm việc, tham gia phiên họp và hòa giải; tuy nhiên qua làm việc với chị Mai Thị T là chị gái anh H, sống cùng nhà với anh H cũng đã thể hiện rõ ý kiến, nguyện vọng của anh H là hoàn toàn nhất trí ly hôn chị H. Qua xác minh tại cơ sở xã T càng thể hiện rõ hơn mâu thuẫn giữa chị H và anh H. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh H thực tế không tồn tại nên Hội đồng xét xử xử ly hôn giữa chị H và anh H theo khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

[3] Về con chung: Chị Ngô Thị H và anh Mai Văn H chưa có con chung nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản, nghĩa vụ về tài sản: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Ngô Thị H phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Xử lý hôn giữa chị Ngô Thị H và anh Mai Văn H.

2. Về án phí: Chị Ngô Thị H phải nộp án phí ly hôn là 300.000đ, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị H đã nộp theo Biên lai thu số 0001541 ngày 04/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường, chị H đã nộp đủ án phí ly hôn.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Ngô Thị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Mai Văn H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND + VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Xuân Trường;
- Chi cục THADS huyện Xuân Trường;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Thung